

Số: 19/2020/QĐST-DS.

ĐP, ngày 28 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 612, 620, 623, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2020/DSST ngày 14 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào Thy đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1942; địa chỉ: Cụm 1, xã A, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ph là: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Cụm 3, Kh, xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Cụm 3, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961; địa chỉ: Cụm 1, xã A, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn LT, xã PĐ, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1970; địa chỉ: Cụm 9, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Kh, xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Cụm 7, xã A, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Cụm 1, xã A, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N, chị N1, chị T1 và chị H là: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Kh, xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Xác định bà Hoàng Thị Ph và ông Nguyễn Văn C (chồng bà Ph), mỗi người có quyền sử dụng hợp pháp đối với 1/2 thửa đất số 102, tờ bản đồ số 29, diện tích  $453.1\text{m}^2$ , tại địa chỉ: Cụm 1 xã A, huyện ĐP, theo GCNQSD đất số: B0 348445, sổ vào sổ cấp GCN: CH01704, do UBND huyện ĐP cấp ngày 31/12/2013 cho ông Nguyễn Văn C và Hoàng Thị Ph. Bà Ph được quyền sử dụng hợp pháp  $226,6\text{ m}^2$ , ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng hợp pháp  $226,5\text{ m}^2$ .

2.2. Ngày 07/4/2015 ông Nguyễn Văn C chết không để lại di chúc. Tại thời điểm mở thừa kế, xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C là  $226,5\text{m}^2$  trong tổng số  $453.1\text{m}^2$  của thửa đất số 102, tờ bản đồ số 29, tại địa chỉ: Cụm 1 xã A, là tài sản chung của ông C và bà Ph như nêu trên.  $226\text{m}^2$  đất có giá trị  $= 226,5\text{m}^2 \times 7.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.585.500.000 \text{ đồng}$  (Một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)

Những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn C theo pháp luật gồm có: Bà Hoàng Thị Ph (vợ ông C) và các con ông C là anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T1 và chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị H từ chối không nhận tài sản thừa kế của ông C.

2.3. Những người thừa kế còn lại của ông C gồm bà Hoàng Thị Ph, anh Nguyễn Văn Th thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C như sau:

- Anh Nguyễn Văn Th được hưởng  $100\text{ m}^2$  quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 29, tại địa chỉ: Cụm 1 xã A, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội có giá trị 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng)

- Bà Hoàng Thị Ph được hưởng  $126,5\text{ m}^2$  quyền sử dụng đất tại thửa đất

số 102, tờ bản đồ số 29, tại Cụm 1 xã A, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, có giá trị 885.500.000 đồng (Tám trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)

Ranh giới phần đất của bà Ph và anh Th được xác định như sơ đồ kèm theo.

Tài sản có trên phần đất của ai người đó được hưởng và không phải Thanh toán cho nhau giá trị tài sản.

#### 2.4. Về án phí:

Bà Hoàng Thị Ph được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 9.637.500 đồng (Chín triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHDS huyện ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Hà**